LỊCH SỬ KHỞI DỰNG CHÙA THẦY QUA TƯ LIỆU MINH CHUÔNG THỜI LÝ

NGUYỄN VĂN TIẾN*

Chùa Thầy (Thiên Phúc tự) là một di tích lịch sử văn hoá, một di tích kiến trúc Phật giáo nổi tiếng thuộc địa phận hai thôn Đa Phúc và Thụy Khuê, xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội (tỉnh Hà Tây cũ). Ngay từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Nhà nước ta đã sớm có quyết định công nhận 14 di tích lịch sử văn hoá đầu tiên của cả nước trong đó chùa Thầy nổi lên là một trong những di tích hàng đầu. Trải qua năm tháng, chùa Thầy đã tồn tại và có bề dày lịch sử gần một ngàn năm. Chùa Thầy đã được ghi nhận trong sử sách và cũng đã giành được sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả thuộc các lĩnh vực: khảo cổ học, dân tộc học, mỹ thuật học, sử học, bảo tàng học.

Những tư liệu lịch sử được lưu giữ ở chùa Thầy khá phong phú gồm: sắc phong, thần phả, bia đá, chuông đồng, hoành phi, câu đối. Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu minh văn trên chuông đồng thời Lý ở chùa Thầy. Quả chuông này được sử sách ghi lại là do Thiền sư Từ Đạo Hạnh cho đúc vào năm 1109, đệ tử của ông là Thích Huệ Hưng soạn bài minh văn. Rất tiếc quả chuông thời Lý nay đã bị mất nhưng may thay, minh văn đã được Viện nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm và in trong cuốn "Văn khắc Hán Nôm Việt Nam", tập 1 (từ Bắc thuộc đến thời Lý), xuất bản năm 1998 (nguyên văn chữ Hán ở trang 107-109) nhưng chưa được phiên âm và dịch nghĩa. Chúng tôi xin được giới thiệu nội dung minh chuông này.

1. Bài văn khắc trên chuông chùa Thiên Phúc

Phiên âm:

(Sơn Tây xứ, Quốc Oai phủ, An sơn huyện, Thuỵ Khuê xã, Phật Tích Sơn) Thiên Phúc tự hồng chung minh văn .

Duy Long Phù Nguyên Hoá cửu niên Kỷ Sửu chính nguyệt. Đạo Hạnh Thiền sư duyên hoá Cự Việt quốc. Chu môn bạch ốc nhân nhân hỷ cung. Hoạch xích đồng nhị thiên dư cân, chú hồng chung nhất khẩu, huyền ư Bồ Đà Lạc sơn, Hương Hải viện nội. Khấu kích lục thời hành đạo, thượng báo tứ ân, hạ tế tam đồ chấn.

Phù diệu lý tuy nhất, vọng cảnh thực phồn. Bẩm tuy nhất nhi vạn hoá sinh thành, tuỳ vạn hoá nhi duy nhất viên điểm. Vô hình khả trắc, vô ngữ khả am. Vô hình nhi hình biến đại thiên, vô ngữ nhi ngữ châu ức sát. Trách bất vi ngại, tạp bất vi trung. Tại tiếm trần nhi hoa tàn trang nghiêm, cư trọc kiếp nhi viên châu oánh

* TS. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

triệt. Thị chúng sinh nhi hãnh ý, phi chư phật chi biệt tâm. Giác dã giả, nhất lộ Niết Bàn; mê dã giả, lục thú sinh diệt. Do thị tự tương bi mẫn, giả tướng thù luân, thánh hiền phục như nghị mộ chiên, thần lực hoá như phong yển thảo. Cức chức mang muội, tà bịnh triều miên. Diễn cổ giáo nhi đạo hỹ, định vị tề tri, ti tín khi nhi kinh yên, phương năng tiệm tiến. Kỳ giáo dã, y căn lập thuyết, dĩ nhất thừa nhi quát nang; kỳ khí dã, thủ tượng thành danh, dĩ hồng chung vi kiểm hạt.

Chung giả, ngoại thị viên thực, nội biểu hàm hư. Kỳ viên dã, thường dụng nhi mị giác; kỳ thực dã, thủ nan hoại chi danh; kỳ hàm dã, chủ nhập nhi vật ngại; kỳ hư dã, dương vô tận chi ý. Bất như thị, hà Phật mệnh nhất khấu, thiên lôi thốn thanh, địa lại thu hưởng, tức tam giới phản ngộ. Hạnh trí, nãi tam đồ, toản chư khổ chân, khởi việt liệt bất dĩ sự tế thiên hạ da? Ký hậu hân quang kết tịch, thừa thát nhi tinh chúng biền la; Khánh hỷ đăng nghê, y kích nhi thuyết pháp nghiêm bị. Tự tư, thục năng kế giả, thị chân khả hỹ.

Nhi kim tức hữu Đạo Hạnh thiền sư, ấu nhi tú cốt, trưởng nãi kỳ tư. Tụng tập Liên kinh, ngọc dặc hầu nhi liêu lượng, xuất gia vận độ, Phật sinh ý nhi từ bi. Kiến bát chủng nhi hải ngụ tận nghiêm; Cứu tam khoang kiệp nhi thiền kinh cộng quán. Nghiễn thời đại hãn, nhiên nhất chỉ nhi vũ tất bái nhiên. Học cổ hưu lương, tạo đa niên nhi dung vô cơ sắc. Vạn dân khởi lệ, trì thuỷ sái nhi hạnh tuyệt bịnh nguyên; chư sự vị manh, dự ngôn tri nhi đích như phù khế, Kinh viết: "Phật hữu bát biện, phi sư nhi bất kế viên âm. Phật chế Thi la (Sila) Phi sư nhi bất năng kiên cố. Đế thích phúc điền, phi sư nhi bất bá hùng hinh. Dược vương nhiêu tý, phi sư nhi bất nai khổ thành. Quan âm cứu nạn, phi sư nhi bất thiệu công danh. Cao tăng hiển dị, phi sư nhi bất chủng thần linh".

Nhiên, tế cơ vân tất, trạch xứ thê trì. Xuất thành Tây nhi nhĩ đoạn huyên, lịch họa lộ nhi tâm tự tĩnh. Việt nhất giang thuỷ, kiến nhất sơn thanh. Điếu thạch nhi bộ lạc tục trần, môn la nhi thân đăng thượng giới. Kỳ sơn dã, tủng Lăng già chi nhiêu, sinh bảo nguyệt chi thu. Hữu kỳ xích thê, nhập viên khám, thạch khám dã. Ngũ sắc vân thành tựu, thất châu bảo lũy thùy. Châu cương tương liên, chu y gián thái. Hạ tồn Phật tích trung tráng nghê đài. Kỳ tích dã, bạch ngọc tại để, thanh long bàn ngoại; kỳ đài dã, tê giác trấn bàng, đăng giang liên thứ. Khởi mô trương thất, tức mô Thứu Phong. Tích ẩn giả công đức sở thành, khải thần linh tạo hoá sở dị. Sư cư vị du tuần, sự hoàn cảm ứng. Dã hổ lai phục, sơn khiếu tự thuần. Tịch mịch dạ nhi vịnh Liên kinh, khung sùng thiên nhi tống hoa cổ. Xử chu lục tải, huệ phổ tích thiên. Chư vương tử chi xa mã hưởng phong, khuynh quốc nhân chi hương hoa đỉnh lễ. Ngự thư tê chiếu, pháp tịch giáng lâm. Tứ bảo y nhi đẳng thượng bằng, trắc Phật xa nhi mâu tứ quả. Trai bãi chi nhật, kim tích hồi lập ư sơn cước. Đệ tử các thân kỳ ngôn ý, lôi dồng viết: "Nham điên tiếu trực, vân lộ ca nguy. Sư thần túc chi dị đăng, khách phàm tung chi nan bộ. Duy chiếm hạ thổ, diệc hợp thắng phương. Loan khuất khúc nhi khởi dị Bồ-đà, thuỷ trừng triệt nhi hà thù hương hải". Mệnh kỳ lương tượng, quỹ bỉ trung ương. Cấu ngọc vũ nhi hoảng tứ duy, tọa kim dung nhi quang hữu tiệt. Chúng trì tư ngữ, thụ tức dương thanh. Phiến thời nhi sĩ nữ thân lai, bất nhật nhi cảnh giới tiện hiện. Thái tử-kỷ mộc, đào bích ngõa lư. Thằng mặc tung hoành, cân phủ tạp đãi. Nga nga tân viện, nghiệp nghiệp nguy lâu. Tải tùng nhi kính

dẫn thanh lương, nghệ hoá nhi cảnh diên phức úc.

Sư nãi viết: "Tư đường trật trật, tựu chúng sâm sâm. Bất miễn thuyết pháp chi diên, tất quải hồng chung chi cảnh. Pháp tuy tự ngã, chung tất tòng tha". Cố trúc trương hạ hoá, cao ư thiên mạch. Như lân du thú vũ, trục phượng tường hoàng. Cảnh tùy hành vị lưỡng tuần, thi đôi nhất phụ. Nghệ ư Hưng phúc tự, chương phi vân bệ, thiên tích kim cung. Luyện thổ thành mo, dương hoả tinh đoạn. Chú chi nhật, sự tuy hàm mặc, nhân cạnh xưng dương. Cảm Thái-hậu chi đồng phong, khiếu trung sứ chi tê thất. Thứ nãi luân đề bôn nhi không chu hộ, Thiểu ngải tẩu nhi bối lư diêm. Đàn nhập hương giai, phân nhược đông thị. Khoảnh hoả công tứ lực, kim tượng nghiêm lệnh. Cổ đố thược nhi thanh chấn hải ngung. Biển yên lô nhi quang đằng Ngân Hán. Hoàn khí hữu dị, gia thụy tương sinh. Vị cơ giả, cánh yêu thứ loại, kháng mị cự sàm, lung nhi sắc đoạt tuyết hoa, xa kích nhi thanh du lôi khổng. Thiên hạ linh chi, nhân hàm khánh ngưỡng. Sư tương quy Bồ-Đà nham bạn, Đại-Bi vân lâu. Huyền dỹ kim sách, chàng dỹ kinh trùy - Đán tịch hành đạo, tiên báo kim-thượng vĩnh hoá, bảo tộ trường tân. Cảm quốc khí nhi thế phan xương, tự Lê nguyên nhi bang di thái. Nhiên nguyện sùng cao mộ đạo, động đạt thuần chân, dĩ phúc ấm ư thương sinh, dụng khuông phù ư hồng nghiệp. Hậu ký thi tu cự tế đẳng, thuận phong thiên thiện, đỉnh đới hương hoa, kim cảnh lộc lai thứ, hậu ngộ phù bản giác.

Sư kiến dư viết: "Tân thành Đạt trĩ nhất khẩu, tắc chúng duyên đồng tu. Ngã võng tích khả kỷ, lưu phương thí giả danh, liêu ký truyền hậu" Huệ-Hưng thiểu học, bất từ nhược quản vi minh. Minh viết:

"Phật dĩ hồng chung cảnh vật hề, ngộ bản tâm

Sư thành pháp khí hoá thế hề phát tín âm

Thiên cung ký trứ dục sắc hề hoàng tự giác

Địa phủ đương yêu hình lục hề phóng nhược thâm".

Long Phù Nguyên Hoá cửu niên Kỷ Sửu bát nguyệt sơ cửu nhật lập ký Thiên Phúc tự tứ tử đại sa môn Thích Huệ Hưng soạn (...).

Dịch nghĩa:

Bài minh khắc trên chuông chùa Thiên Phúc.

[Thuộc núi Phật Tích xã Thuỵ Khuê huyện Yên-Sơn phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây]

Vào ngày tháng Giêng năm Kỷ Sửu, niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109).

Thiền sư hoá duyên nước Cự Việt (1), từ quan đến dân đều hoan hỉ tiến cúng, thu được hơn 2 ngàn cân đồng đỏ, đúc nên quả chuông lớn, treo trong viện Hương Hải, núi Bồ Đà Lạc Sơn, ngày đêm gióng chuông hành đạo, trên báo đáp tứ ân (2), dưới cứu giúp tam đồ (3).

Ôi! Lẽ huyền diệu tuy một mà cảnh thực thì nhiều. [trời] phú bổng tuy một mà vạn vật sinh thành. Dẫu là vạn vật cũng chỉ là một. Vô hình mà có thể đo, không nói mà có thể hiểu; vô hình mà hình đi khắp mọi nơi, không lời mà lời vang nơi chùa Phật. Ở chỗ hẹp mà không bị cản trở, ở chỗ tạp mà chẳng bị ngăn. Trong chốn bụi trần mà hoa dấu vẻ trang nghiêm, ẩn nơi vẩn đục mà ngọc viên lóng lánh. Thực đó là niềm kiêu hãnh của chúng sinh, đâu phải lòng riêng nơi cửa Phật. Người giác ngộ đạo thẳng lối lên Niết Bàn, kẻ mê muội diệt sinh lục đạo. Do vậy, tự mua phiền muội, giả dối khác loài.

Thánh hiền thu phục [lòng người] như kiến đông mộ đàn. Thần lực giáo hoá như gió lướt ngọn cỏ. Khi sự hiểu biết mông

muội, thì bệnh tật triền miên. Theo điều răn dạy xưa, chỉ hướng cho người chưa hiểu biết hết. Lấy tiếng chuông trầm nhắc nhở, [thì người] mới dần dà hiểu được. Cái giáo lý này, dựng thuyết từ gốc, chính là lấy một mà thâu tóm cả mà thôi. Vật này theo dáng đặt tên, lấy chuông để răn bảo.

Quả chuông trông ngoài tròn đặc, trong lại rỗng lòng. Cái tròn thường dùng mà không biết; sự đặt có được cái tên thì khó bỏ; cái hàm chứa để vật vào mà không bị ngáng trở; cái trống rỗng có ý vô cùng vô tận. Chẳng phải thế thì vì sao khi gõ chuông lễ Phật, âm vang ngất trời, như đất rộn tiếng sáo, tam giới tỉnh ngộ.

Than ôi! Cõi tam đồ chịu nhiều nỗi khổ, há không vượt qua để cứu giúp thiên hạ sao? Từ đó, vui khi chiếu trải, nghe tiếng chuông mà mọi người quây quần. Vui ngày thuyết pháp, đời sau kế nối là bậc chân tu.

Vả nay, Thiền sư Đạo Hạnh, khi nhỏ tuấn tú, lúc lớn dung mạo khác phàm. Thiền sư lầu thông kinh Liên Hoa, tiếng đọc vang sang sảng. Khi xuất gia, từ bi ý Phật, dựng Bát chủng (4) góc biển cũng rất nghiêm; nghiền ngẫm sách ba hòm mà kinh thiền đều thuộc. Gặp thời đại hạn, tay vừa trỏ trời ào ạt đổ mưa. Học theo phép xưa, toạ thiền nhiều năm mà dung nhan chẳng gầy đói. Nhiều người mắc bệnh, Thiền sư chỉ dùng nước vẩy mà bệnh khỏi từ gốc. Mọi việc chưa manh nha mà lời dự đoán đúng như hiện thực. Kinh có câu: Phật hữu bát biện (5), phi sư nhi bất kế viên âm. (Phật có tám cách làm, không phải bậc thầy làm sao có thể hiểu được). Phật đặt ra điều răn giới, không phải bậc thầy sao có thể trụ vững. Ruộng phúc nhà chùa không có thiền sư sao được lừng lẫy tiếng thơm. Thuốc hay chữa bệnh, không có Thiền sư sao dễ luyện thành. Quan Âm cứu nạn, không có thiền sư khó có thể kết nối nổi công danh. Bậc cao tăng nổi tiếng không có Thiền sư không thể tiếp bước linh thiêng.

Thế rồi, cơ cứu giúp đã đến Thiền sư chọn nơi trụ trì. Đi theo phía Tây thành, tìm nơi ở yên lắng. Trải qua bao vất vả, mà tâm vẫn tĩnh yên. Vượt qua con sông chảy, gặp được dải non xanh. Vin đá mà đi, rũ bỏ trần tục. Chân bước ung dung, thân hướng về thượng giới. Núi ở đây sừng sững vây lấy Lăng Già, có bậc thang bước lên, đi vào chỗ khám tròn, ấy là chiếc khám đá. Mây năm sắc che phủ, bảo phướn đẹp phô bầy; lưới nhện giăng san sát, lấp lánh tựa áo màu. Dưới có dấu Phật hiện, giữa nghê đài trang nghiêm. Dấu vết ấy, bạc ngọc dát đáy, rồng xanh chầu ngoài. Cái đài này, tê giác chấn giữ phía bên, đèn thắp nối hàng, nếu không phải phỏng theo nghi trượng, thì cũng theo ngọn Thứu linh thiêng. Đây là nơi ngày xưa người đi ở ẩn dốc tâm công đức mà dựng nên, há đâu phải thần linh tạo dựng. Thiền sư đến trụ trì chưa đầy tuần mà muôn loài cảm thấu. Hổ rừng đến chầu, rồng núi đến phục. Đêm thanh vắng, tiếng tụng Liên kinh, ngày trong sáng dâng hoa gõ trống. Thiền sư trụ trì tròn sáu năm, ơn ban đều khắp. Bậc vương tử ngựa xe theo nếp, người tâm thành dâng lễ hương hoa.

Chiếu vua ban xuống, người sẽ giáng lâm. Ban áo báu thuộc hàng bậc trên, lên xe Phật để được chứng quả. Khi đàn chay mãn tiệc, Thiền sư về trụ trì tại miền sơn cước. Đệ tử mỗi người một lời đồng lòng thưa rằng:

- Núi đá chênh vênh, mây trôi nguy hiểm, Thiền sư là thần, lên núi dễ dàng, phàm người trần tục khó lần bước theo. Xem dưới chân núi, muôn vàn thắng cảnh, núi nhấp nhô đâu khác Bồ Đà, nước suối trong nào kém Hương Hải. Thế rồi sai thợ khéo đo phần nền chính, dựng ngọc vũ toả sáng bốn bên. Đặt tượng Phật toả sáng lung linh. Lời khen đồn đại, nức tiếng lan

truyền. Ít lâu sau, nữ sĩ thăm viếng, bỗng thành cảnh giới nguy nga. [Thế] rồi chọn cây kỷ tử, mở lò đốt ngói, thắng mặc dây to, búa rìu nhộn nhịp. Nguy nga chùa mới, cao vút lầu son. Thông trồng bên đường đưa theo gió mát. Tài nghệ đua tranh [làm nên] cảnh sắc ngút ngàn.

Thiền sư bèn nói: Chùa xây lớp lớp, người đến nối hàng. Đây nơi thuyết pháp, tất có chuông đồng. Pháp kinh ta giảng, lấy chuông phụ theo. Cho nên, Thiền sư chống gậy, đi xuống giáo hoá, đường đi phải cao. Còn như lân đùa thú múa, phượng hoàng giang cánh, công việc đua tranh theo từng công việc. [Công việc dựng xây] hai tuần đã xong. Tiền của công đức chất đầy thành đống. Lại đến chùa Hưng Phúc, bệ đắp hoa văn mây bay, trong cung nạm vàng, [lại đắp đất] thành khuôn, nhóm lò đốt lửa. Ngày đúc chuông, thiền sư tuy lặng lẽ, nhưng người người nô nức đến xem. Cảm tấm lòng Thái hậu, sai Trung sứ viếng thăm. Tiếp đó, xe quan qua lại, trẻ già tấp nập vào thắp nén hương, nhộn nhịp như họp chợ Đông. Chỉ chốc lát, thợ lò nổi lửa, thợ bạc nghiêm trang, tiếng sáo bỗng vang tận góc bể, khói lò nung sáng ngút tận Ngân Hà. Chuông đúc xong, có điều khác biệt, điềm tốt lành theo đó nảy sinh. Chẳng bao lâu, lại mời mọi người, buộc dây đỡ để khiêng. Mới mài mà sắc hơn hoa tuyết, vừa gõ mà âm vang động như sấm rền. Thiên hạ nghe tiếng kéo đến ngưỡng trông. Thiền sư đem chuông về lầu mây Đại Bi bên vách núi Bồ Đà. Treo chuông bằng dây vàng, gõ chuông bằng chày kình, sớm hôm sau làm lễ. Trước là báo đáp tấm lòng của đương kim hoàng thượng, mong cho phúc lộc trường tồn, nhờ quốc khí mà đất nước phồn vinh. Chăm lo cho dân mà nước nhà bền vững. Nguyện xin hết lòng mộ đạo, ý thuần chân thực, ban phúc ấm cho dân lành, khuông phù nghiệp lớn. Mai sau, mong các bậc tín thí lớn nhỏ, hướng theo điều thiện, luôn dâng hương hoa. Nay lộc lớn được ban, sau ngộ đạo sẽ thấy.

Thiền sư gặp ta nói: Chuông mới đúc xong, bởi cái duyên của mọi người chung sức. Ta đâu có công đáng chép, [hãy] lưu tiếng thơm cho người công đức, nên ghi lại lưu truyền đời sau.

Huệ Hưng tôi ít học, chẳng dám chối từ, bèn cầm bút soạn bài minh.

Bài minh rằng:

"Phật lấy tiếng chuông răn dạy chừ, tâm giác ngộ.

Thiền sư nhờ chuông giáo hoá chừ, tiếng phát ra.

Trời đã tỏ sắc dục chừ, tự cảm thấy.

Địa phủ cần hình luật chừ, nỗi khổ sâu".

Ngày mồng 9 tháng 8 năm Kỷ Sửu niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109).

Đại Sa Môn được ban [áo cà sa] màu tía ở chùa Thiên Phúc là Thích Huệ Hưng soạn.

2. Một vài nhận xét

Theo ý kiến riêng của chúng tôi, nội dung minh chuông chứa đựng nhiều thông tin quý. Trong đó liên quan đến lịch sử khởi dựng chùa Thầy. Bởi từ trước tới nay khi viết về niên đại khởi dựng một di tích, nhất là các di tích lịch sử - văn hoá thì rất ít tài liệu đề cập tới vấn đề này. Mặc dù tài liệu sắc phong, thần phả, văn bia, hoành phi, câu đối, minh chuông thường có rất nhiều, nhưng những tài liệu trên thường cho chúng ta biết về cảnh quan, địa điểm, tên người hoặc danh sách những người công đức trùng tu, sửa chữa, xây dựng chùa, đúc chuông, dựng bia... mà rất hiếm có một tài liệu nào lại trực tiếp hoặc gián tiếp viết về niên đại khởi dựng của một di tích nào đó. Nhưng ở chùa Thầy, dựa vào tư liệu minh chuông đúc năm 1109 có thể đoán định được niên đại dựng chùa.

Như chúng ta đều biết, khi đưa ra niên đại khởi dựng của chùa Thầy, hầu hết các tác giả đều cho rằng, chùa được khởi dựng vào thời Lý Nhân Tông (1072-1127) và trước đó, chùa Thầy chỉ là một thảo am nhỏ do nhân dân địa phương vùng Sài Sơn dựng lên để thờ Phật.

Tác giả Phạm Xuân Đô là người đầu tiên bàn về niên đại dựng chùa. Trong cuốn "Sơn Tây tỉnh địa chí" xuất bản năm 1941, tác giả cho rằng chùa Thầy được khởi dựng vào thời Lý Nhân Tông (1072-1127).

Trong tài liệu lưu trữ của tỉnh Hà Tây (cũ), mục tỉnh Sơn Tây cũng có tư liệu giới thiệu về chùa Thầy và cũng cho rằng, chùa Thầy được khởi dựng vào thời Lý Nhân Tông (1072-1127) và được trùng tu vào các lần sau.

Năm 1959, Ty Văn hoá Sơn Tây đã cho xuất bản cuốn "Di tích và thắng cảnh tỉnh Sơn Tây", trong đó có phần giới thiệu về chùa Thầy và cho rằng, chùa được khởi dựng vào thời vua Lý Nhân Tông (1072-1127).

Trong quá trình sáng tác thơ văn, nhà thơ Xuân Diệu cũng tham gia vào quá trình đi tìm lịch sử xây dựng chùa Thầy, ông cho rằng: chùa Thầy được khởi dựng vào năm 1057 do đích thân vua Lý Thánh Tông ra lệnh. Nhưng ông lại không đưa ra được tư liệu để chứng minh.

Năm 1995, dựa vào một tài liệu văn bia ở trên núi Sài Sơn, Đinh Khắc Thuân cho rằng chùa Thầy có từ thời Đinh, nhưng là loại hình chùa hang và tác giả cũng chưa đưa ra được niên đại khởi dựng chùa Thầy.

Cuốn *Di tích lịch sử văn hoá Việt Nam* đã viết: "Sử ghi vua Lý Thánh Tông cho làm chùa Thiên Phúc năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1058)" (6). Chúng tôi đã tra cứu lại tất cả các cuốn sử biên niên nhưng chưa thấy cuốn nào có ghi lại niên đại khởi dựng chùa Thầy vào thời điểm này.

Như đã nêu ở trên, quả chuông ở chùa Thầy được đúc vào năm Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109), triều vua Lý Nhân Tông. Bài minh được lập ngày mồng 9 tháng Tám năm Kỷ Sửu, niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (tức năm 1109, triều vua Lý Nhân Tông). Quả chuông phải được đúc sớm hơn bài minh nói trên một thời gian, mặc dù có cùng niên đại năm 1109. Đây là quả chuông lớn hẳn phải được treo ở chùa có quy mô lớn, mà không thể treo ở thảo am. Chuông phải được đúc xong khi đã hoàn thành việc xây dựng chùa. Như vậy, có thể suy ra niên đại kết thúc xây dựng chùa Thầy muộn nhất là năm 1109 trùng với niên dại dúc chuông.

Ngoài ra, bài minh còn cho biết tốc độ xây dựng chùa: "Thế mới biết xây chùa dựng điện cao vút tầng mây. Thế kỳ lân múa cùng bầy thú, dáng phượng hoàng sải cánh muốn bay. Náo nức dựng xây, hai tuần đã lên hình đài điện". Với tốc độ xây dựng chùa như vậy, chúng ta có thể suy đoán rằng chùa được hoàn thiện trong khoảng vài năm (trước năm 1109) và đến 1109 là hoàn thành .

Chùa Thầy là một ngôi chùa cổ thuộc loại lớn của miền Bắc, và hiện đang lưu giữ nhiều tư liệu Hán Nôm quý. Nội dung minh chuông thời Lý này cung cấp những thông tin quan trọng trong nghiên cứu về chùa Thầy nói riêng, lịch sử xây dựng chùa nói chung.

13. [山西處國威府安山縣瑞圭社佛蹟山] 天福寺(1)洪鐘銘文

維龍符元化(2)九年己丑正月，道行禪師(3)緣化巨越國(4)。朱門白屋人人喜供。獲赤銅貳千餘斤，鑄洪鐘一口，懸於蒲陀落山(5)香海院(6)內。扣擊六時行道，上報四恩，下濟三塗者。

夫妙理雖一，妄境寔繁。棗雖一而萬化生成，隨萬化而惟一圓點。無形可測，無語可語。無形而形遍大千，無語而語周億刹。窄不爲礙，雜不爲緇。在纖塵而花藏莊嚴，居濁劫而圓珠瑩徹。是眾生之幸意，非諸佛之別心。覺也者，一路涅槃；迷也者，六趣生滅。由是自相悲憫，假相殊倫。聖賢服如蟻慕羶，神力化如風偃草。亟聽芒昧，邪病纏綿。演古教而導矣，定未齊知；俾信器而警焉，方能漸進。其教也，依根立說，以一乘而括囊；其器也，取象成名，以洪鐘爲鈐鍵。

鐘者，外示圓寔，內表含虛。其圓也，常用而靡覺；其寔也，取難壞之名；其含也，諸入而勿礙；其虛也，揚無盡之意。不如是，何佛命一叩，天雷吞聲，地籟收響，即三界返悟。幸智，乃三塗，纘諸苦眞，豈越列不以事濟天下耶？洎後欣光結席，承捷而淨眾駢羅；慶喜登貌，依擊而說法嚴備。自茲，孰能繼者，是眞可矣。

而今即有道行禪師，幼而秀骨，長乃奇姿。誦習蓮經，玉戛喉而嘹喨；出家運度，佛生意而慈悲。建八種(7)而海寓盡嚴；究三篋而禪經共貫。覩時大旱，燃一指而雨必霈然。敷古休糧，坐多年而容無饑色。萬民起厲，持水洒而幸絕病源；諸事未萌，預言知而的如符契。經曰：「佛有八辨(8)，非師而不繼圓音。佛制尸羅(9)，非師而不能堅固。帝釋福田，非師而不播雄馨。藥王燒臂，非師

13. 天福寺洪鐘銘文

而不奈苦誠。觀音救難，非師而不紹功名。高僧顯異，非師而不踵神靈」。

然濟機云(10)畢，擇處栖遲(11)。出城西(12)而耳斷喧，歷禍路而心自淨。越一江水，見一山青。掉石而步落俗塵，捫蘿而身登上界。其山也，聳稜(楞)伽(13)之繞，生寶月之秋。有奇尺梯，八圓龕，石龕也。五色雲成就，七珠寶纍垂。蛛網相聯，銖衣間綵。下存佛跡，中壯倪臺。其跡也，白玉在底，青龍盤外；其臺也，犀角鎮傍，燈釭連次。豈模仗室，即模鷲峰(14)。昔隱者功德所成，豈神靈造化所異。師居未逾旬，事還感應。野虎來伏，山虯自馴。寂寞夜而誦蓮經，穹崇天而送花鼓。處周六載，惠普積千。諸王子之車馬響風，傾國人之香花頂禮。御書賚詔，法席降臨。賜寶衣而等上朋，陟佛車而牟四果。齋罷之日，金錫迴立於山腳。弟子各伸其言意，雷同曰：「岩巔峭直，雲路歌(欹)危。師神足之易登，客凡蹤之難步。唯占下土，亦合勝方。巒屈曲而豈異蒲陀，水澄徹而何殊香海」。命其良匠，揆彼中央。構玉宇而晃四維，坐金容(15)而光有截。眾馳斯語，樹即揚聲。片時而士女親來，不日而境界便現。採梓杞木，陶碧瓦爐。繩墨縱橫，斤斧雜遝。峨峨新院，業業巍樓。裁(栽)松而徑引清涼，藝化而景延馥郁。

師乃曰:「斯堂秩秩，就眾森森。不免說法之筵，必掛洪鐘之警。法雖自我，鐘必從他」。故築(策)仗(杖)下化，高於阡陌。如麟遊獸舞，逐鳳翔凰。競隨行未兩旬，施堆一阜。詣於興福寺，章飛雲陛，天錫金宮。鍊土成模，揚火精鍛。鑄之日，師雖緘默，人競稱揚。感太后(16)之同風，遣中使之賚室。次乃輪蹄奔而空朱户，少艾走而閒(閑)閭閻。拡入香階，紛若東市。頃，火工肆力，金匠嚴令。鼓橐籥而聲振海隅，迸煙爐而光騰銀漢。完器有異，嘉瑞相生。未幾者，更邀庶類，抗縻巨扛。纔礱而色奪雪花，乍擊而聲逾雷吼。天下聆之，人

13. 天福寺洪鐘銘文

咸慶仰。師將歸蒲陀岩畔大悲雲樓。懸以金索，撞以鯨槌。旦夕行道，先報今上[17]永化，資祚長新。感國器而世蕃昌，宇黎元而邦彌泰。然願崇高慕道，洞達純眞，以福陰於蒼生，用匡扶於洪業。後冀施修巨細等，順風遵善，頂戴香花，今景祿來茲[18]，後悟符本覺。

師見余曰：「新成楗(揵)槌(稚)[19]一口，則眾緣同修。我因績可紀，留芳施者名，聊記傳後」。惠興淺學，不辭掇管爲銘。

銘曰：

佛以洪鐘警物兮，悟本心。
師成法器化世兮，發信音。
天宮既著欲色兮，還自覺。
地府當要刑戮兮，放若深。

龍符元化九年己丑，八月，初九日立記。
天福寺賜紫[20]大沙門釋惠興撰。

[…]

[陳英宗興隆十二年，給祀田聖旨]。

CHU THICH

(1). Cự Việt: tức Đại Việt.

(2). Tứ ân: có sách ghi tứ ân tức ơn cha mẹ, ơn thầy, ơn thí chủ, ơn chúng sinh.

(3). Tam đồ: Thuật ngữ nhà Phật. Chỉ địa ngục, quỷ đói, súc sinh.

(4). Bát chủng: (có thể là bát chủng pháp) tức; Tam tam muội; Tứ thiền định; Tứ vô lượng tâm; Tứ vô sắc định; Bát bối sá; Bát thắng xứ; Cửu thứ đệ định; Thập nhất thiết xứ.

(5). Bát biện: thuật ngữ nhà Phật chỉ: Bất đoạn khả biện; Bất mê loạn biện; Biểu bố uý biện; Bất kiêu mạn biện; Nghĩa cụ túc biện; Vị cụ túc biện; Bất chuyết lịch biện; ứng thời phân biện.

(6). *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội và Nxb. Mũi Cà Mau , , 1993, tr. 631-633.